CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Vải sợi May mặc Miền Bắc

Ngày 31/03/2025	27,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q1/25
6.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 5.4%
YoY: ▼0.96| -13.4%

LN thuần
Q1/25
0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.59| -51.4%
YoY: ▼1.64| -74.7%

LN sau thuế
Q1/25
0.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.46| -59.4%
YoY: ▼1.31| -80.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.4%
YoY: +/-▼ 10.2%

ROE (TTM)
Q1/25
3.1%
YoY: +/-▼ 1.1%

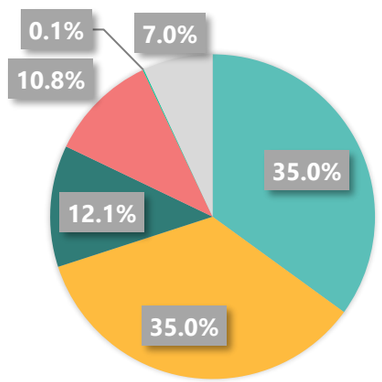
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,900 - 31,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	159
Số lượng CPLH (CP)	5,702,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	633
P/E	44.1

DT thuần
2024
23.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.50| -1.9%

LN thuần
2024
5.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.68| -60.0%

LN sau thuế
2024
4.92
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.08| -55.2%

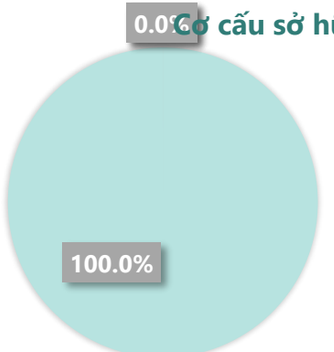
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Xây dựng và Ứng dụng công nghệ DELTA-V
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta
- Phạm Hoàng Long (Tổng giám đốc)
- Trần Minh Quỳnh Dung
- Bùi Thị Minh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

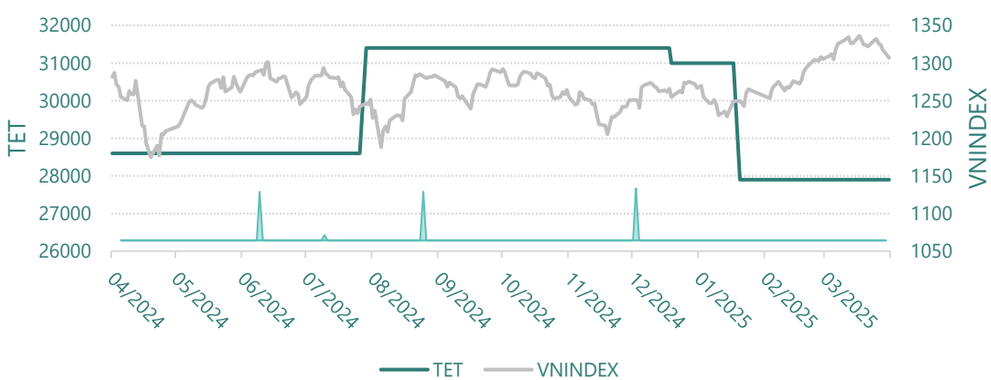
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

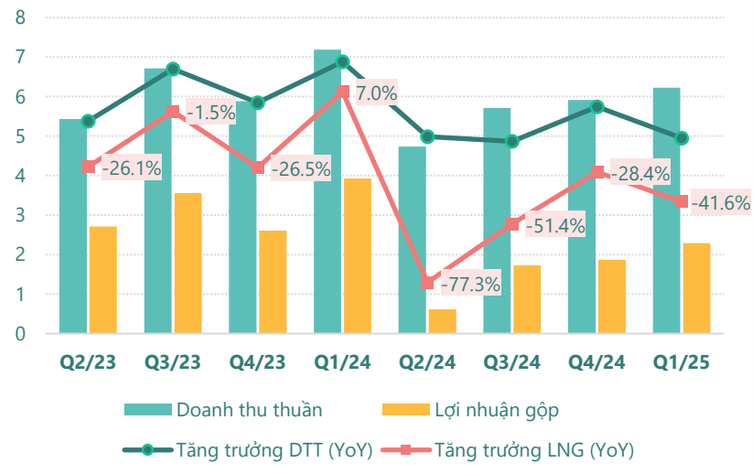
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



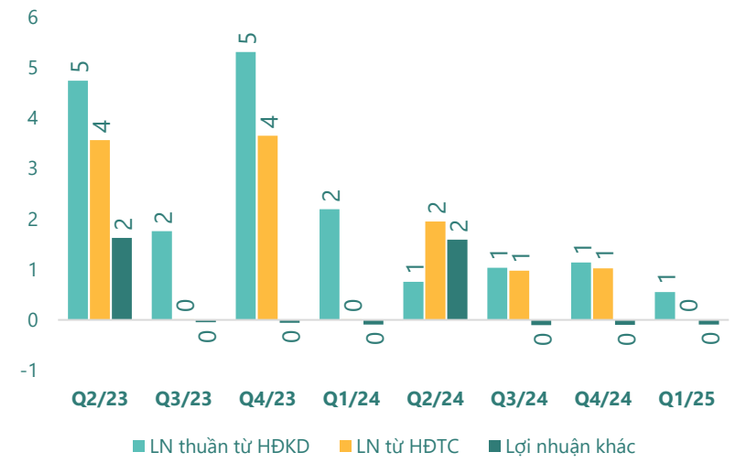
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



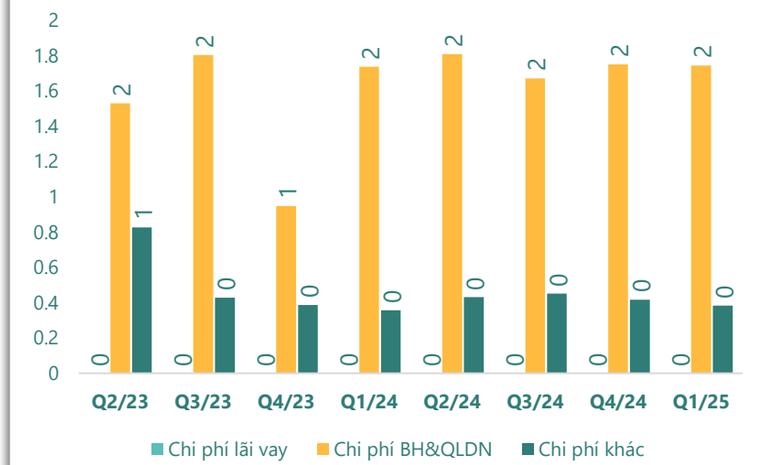
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



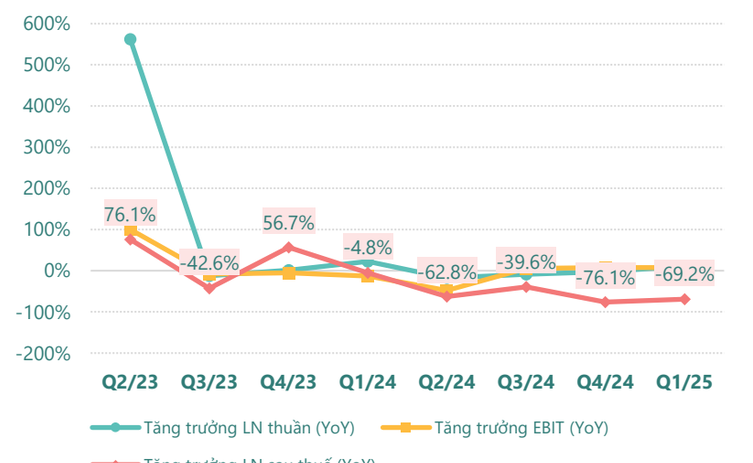
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



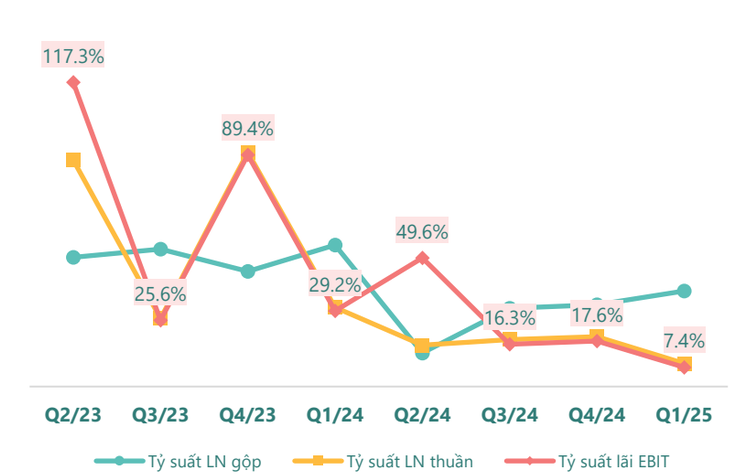
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



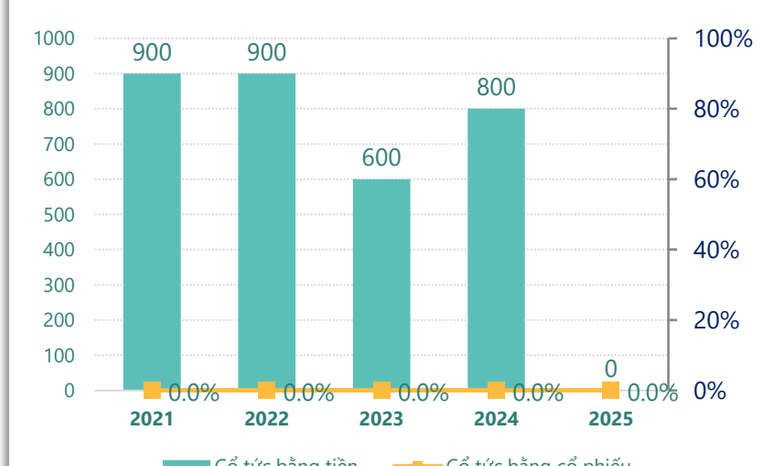
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



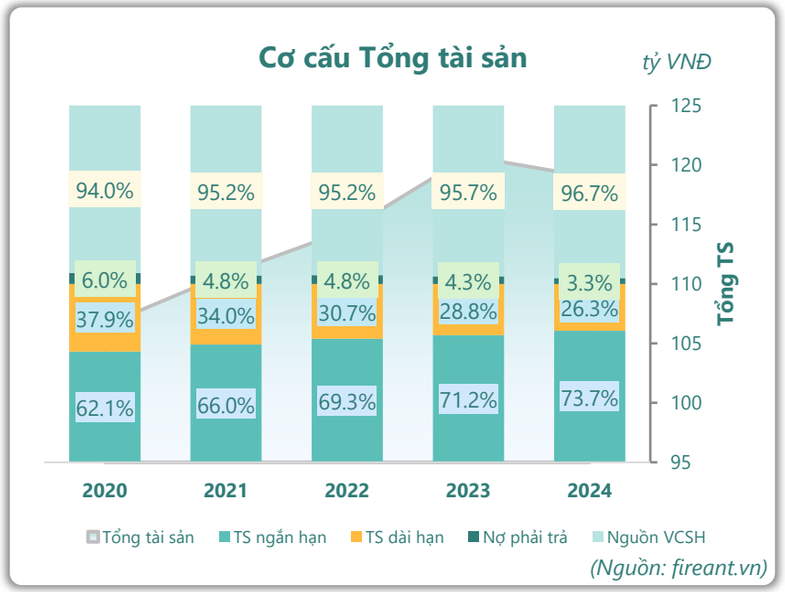
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

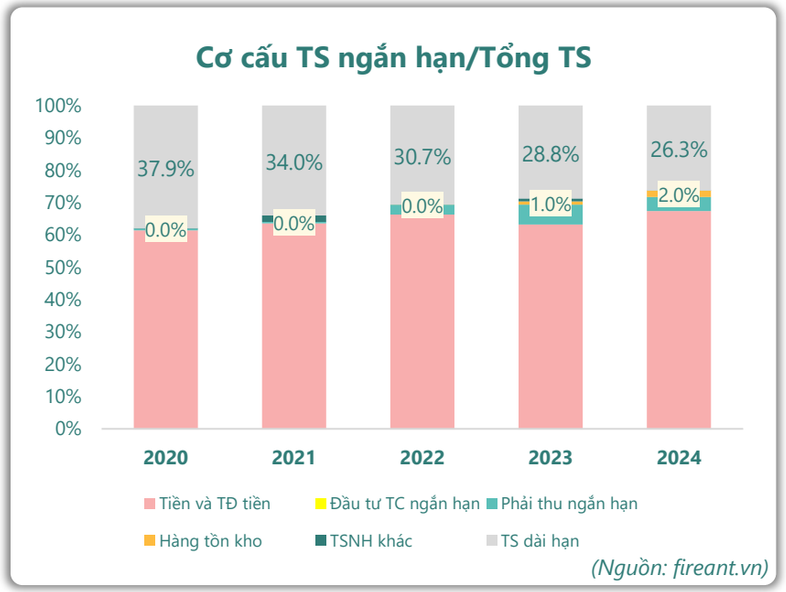


(Nguồn: fireant.vn)

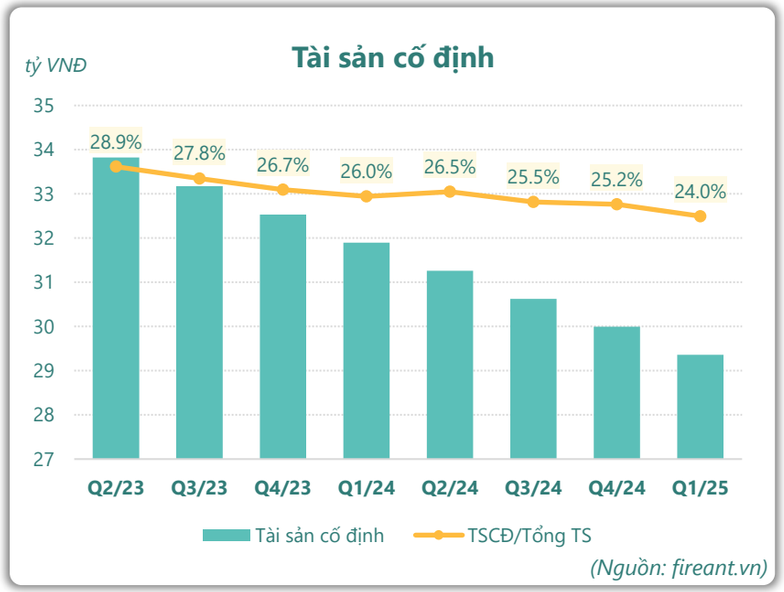
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



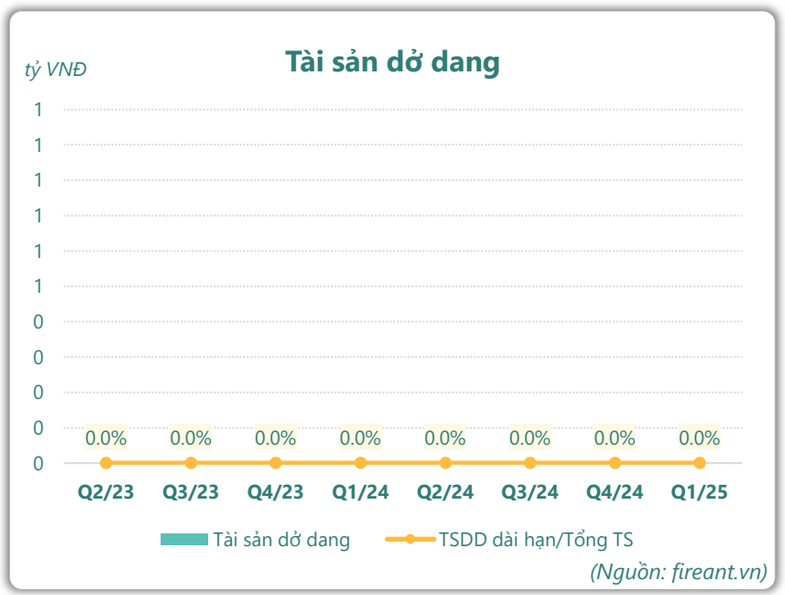
(Nguồn: fireant.vn)



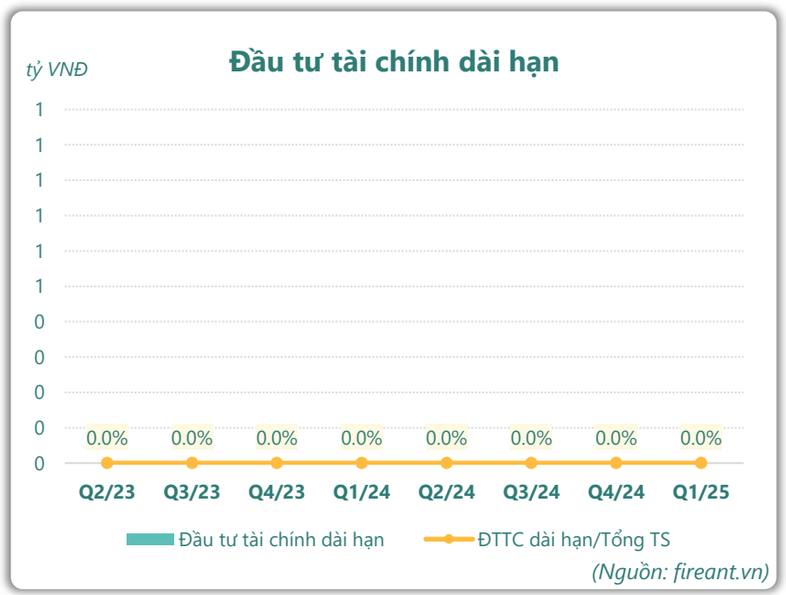
(Nguồn: fireant.vn)



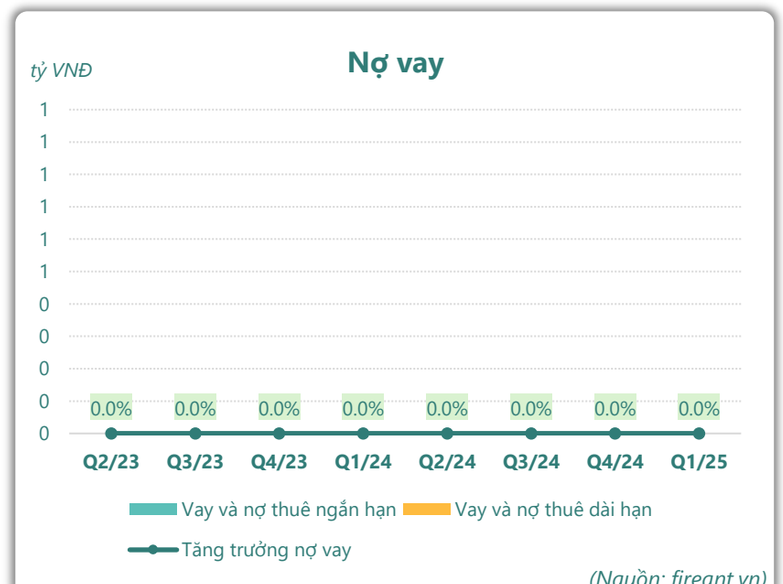
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



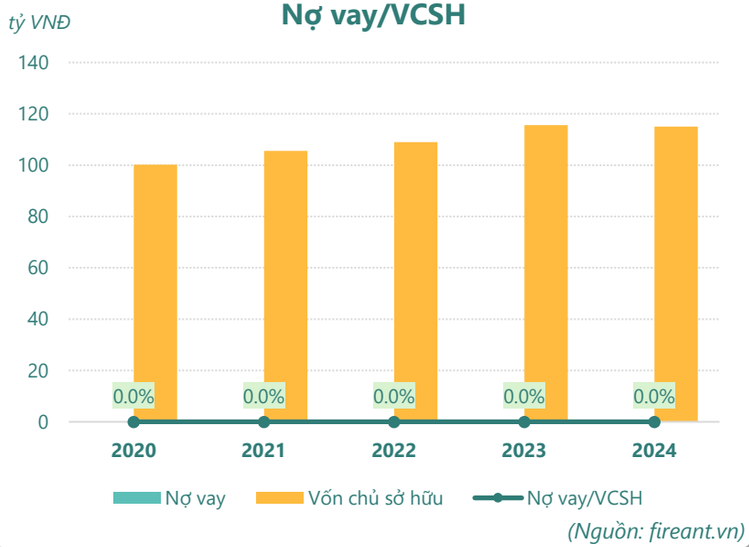
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

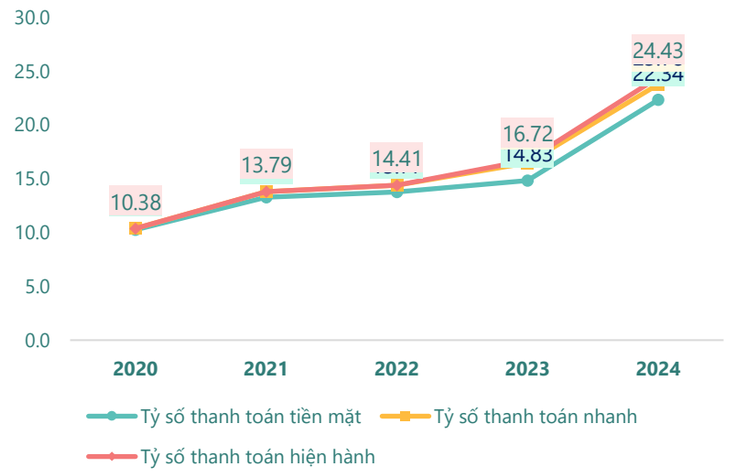
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



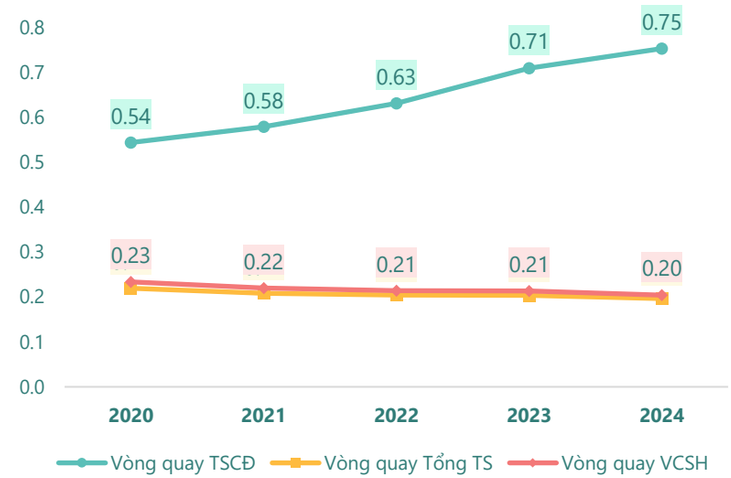
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



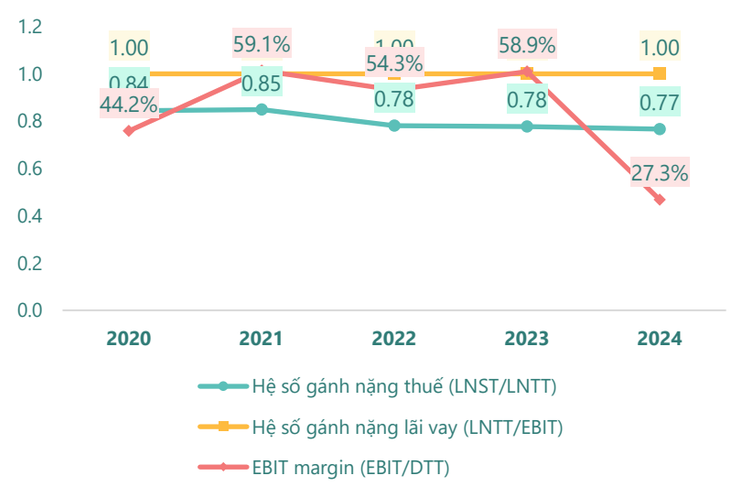
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



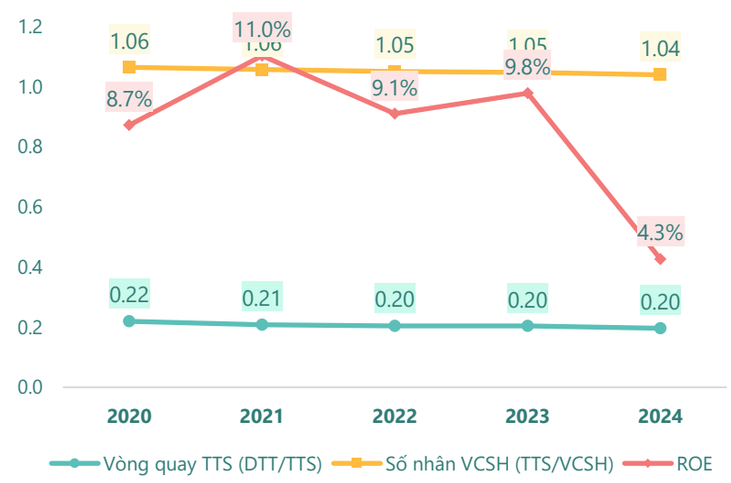
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



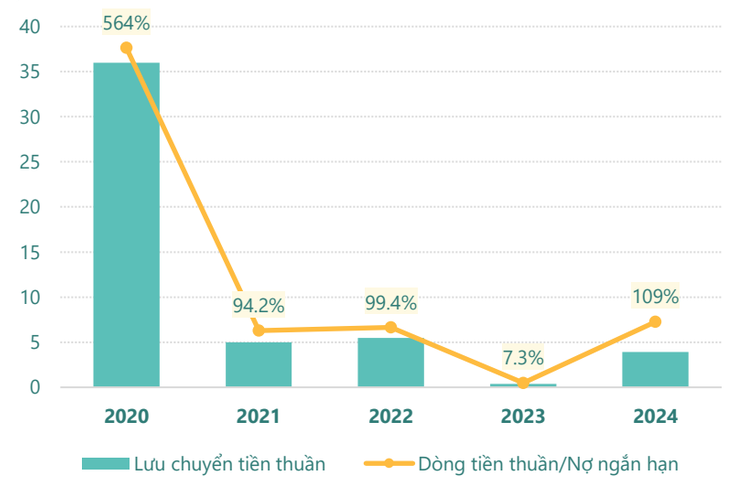
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.23**	**7.19**	**-13.4%**	**23.5**	**24.0**	**-1.9%**
Giá vốn hàng bán	3.93	3.26	20.7%	15.4	12.8	20.6%
Lợi nhuận gộp	2.29	3.92	-41.5%	8.13	11.2	-27.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-18.3%	3.96	7.26	-45.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.75**	**1.74**	**0.3%**	**6.97**	**5.66**	**23.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.55	2.19	-74.7%	5.12	12.8	-60.0%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-0.10**	**7.6%**	**1.30**	**1.33**	**-2.2%**
LN trước thuế	0.46	2.10	-78.0%	6.42	14.1	-54.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.32**	**1.63**	**-80.6%**	**4.92**	**11.0**	**-55.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.32**	**1.63**	**-80.6%**	**4.92**	**11.0**	**-55.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.13	5.85	-6.50	3.74	-1.75	7.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	55.1	-55.0	7.07	-0.01	55.1	-55.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0	-4.56	0	0	0
Tiền đầu kỳ	23.3	76.2	27.1	23.1	26.8	80.2
Lưu chuyển tiền thuần	**53.0**	**-49.1**	**-3.99**	**3.73**	**53.3**	**-47.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	76.2	27.1	23.1	26.8	80.2	32.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**122**	**119**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	91.2	87.7	4.1%
Tiền và tương đương tiền	32.2	80.2	-59.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	56.4	5.12	1003%
Hàng tồn kho	2.54	2.35	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.04	-32.0%
Tài sản dài hạn	**30.9**	**31.3**	**-1.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	29.4	30.0	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.51**	**1.32**	**15.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.78	3.95	71.5%
Nợ ngắn hạn	**6.41**	**3.59**	**78.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	0.01	-23.0%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**115**	**115**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**115**	**115**	**0.3%**
Vốn điều lệ	57.0	57.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)